

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

*LÝ NAM HẢI**

Ngày nhận bài: 05/8/2020

Ngày phản biện: 15/08/2020

Ngày đăng bài: 30/09/2020

Tóm tắt:

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) cho ngư dân biển trong những năm gần đây luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, hoạt động này mang ý nghĩa thời sự, nhất là trong bối cảnh các diễn biến chính trị tại Biển Đông. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển còn gặp rất nhiều khó khăn, xuất phát từ nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và mục đích đề ra. Việc nghiên cứu những khó khăn, vướng mắc của hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển vừa mang ý nghĩa thời sự, vừa là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thời gian tới.

Từ khóa:

Phổ biến, giáo dục, pháp luật, ngư dân biển, yếu tố, ảnh hưởng.

Abstract:

Law dissemination and education (PBGDPL) activities for marine fishermen in recent years have always been paid special attention by the Party and State due to its current significance, especially in the context of political developments in the South China Sea. However, in reality, the operation of PBGDPL for fishermen still faces many difficulties, stemming from many objective and subjective factors, which directly affect the effectiveness and set purpose. The study of the difficulties and problems of PBGDPL activities for fishermen is both topical and foundational to propose solutions to improve the efficiency of this activity in the coming time.

Keywords:

Dissemination, education, law, fishermen, factors, influence.

Đặt vấn đề

Ngư dân biển không chỉ là lực lượng lao động kinh tế mà còn là lực lượng bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ

* ThS., GV Khoa Luật Hành chính, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hailn@hul.edu.vn

quan trọng hiện nay là trang bị kiến thức, kỹ năng cho ngư dân biển, đặc biệt là kiến thức pháp luật, để ngư dân biển có thể tự bảo vệ mình, qua đó từng bước vận dụng và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Để cụ thể hóa các nhiệm vụ trên, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) cho ngư dân biển. Nhìn chung, các đề án, chương trình đã đem lại nhiều dấu hiệu tích cực, đặc biệt là nhận thức của ngư dân biển về các quy định của pháp luật, thay đổi tình cảm, thái độ của ngư dân biển với pháp luật. Tuy nhiên, bên cạnh đó, tình hình vi phạm pháp luật của ngư dân khi đánh bắt có chiều hướng gia tăng, số vụ tàu nước ngoài xua đuổi, đâm va, đập phá, thu giữ tài sản, đòi tiền chuộc diễn ra khá thường xuyên. Năm 2018, nước ngoài xua đuổi, đâm va, đập phá, thu giữ tài sản là Trung Quốc (42 vụ/45 tàu/298 tàu viên), các nước khác bắt giữ, xử lý là 117 vụ, 228 tàu, 1.575 tàu viên¹. Năm 2019, trong 6 tháng đầu năm, Trung Quốc và Indonesia xua đuổi, đâm va, đập phá, thu giữ tài sản 11 vụ/11 tàu/86 ngư dân; các quốc gia khác bắt giữ, xử lý 64 vụ/110 tàu/775 ngư dân².

Từ số liệu trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng, tình hình vi phạm pháp luật của ngư dân biển trong hoạt động đánh bắt có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của Việt Nam đối với quốc tế về chính trị và tác động xấu đến việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường thế giới và đây cũng là một trong những lý do mà Liên minh châu Âu đã rút “thẻ vàng” đối với hoạt động khai thác thủy sản của Việt Nam³. Thực trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có sự tác động bởi nhiều yếu tố. Bài viết này, tác giả đi vào phân tích những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển tại Việt Nam qua đó mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển trong thời gian tới.

Nội dung

1. Về điều kiện kinh tế

Điều kiện kinh tế có ảnh hưởng quan trọng tới ý thức pháp luật của ngư dân biển, khi nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất của ngư dân biển sẽ được nâng cao, ngư dân biển sẽ được hưởng các chính sách và sự quan tâm đầu tư của nhà nước, hình thành niềm tin của ngư dân biển vào chính sách pháp luật, đường lối, hoạt động quản lý điều hành của nhà nước. Ngoài ra, sự phát triển kinh tế giúp ngư dân biển có điều kiện trang bị các thiết

¹ Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển (2018), Báo cáo “Công tác Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Cục Chính trị”, Hà Nội.

² Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển (2019), Báo cáo “Công tác Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của Cục Chính trị”, Hà Nội.

³ Lê Khắc Đại (2019), Công ước về hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có khai báo và không có quản lý (IUU) của Liên minh châu Âu và những tác động tới Việt Nam, Tạp chí Công Thương, số 6, tháng 4/2019.

bị nghe nhìn, được tiếp cận công nghệ hiện đại để cập nhật thông tin, theo dõi báo chí, truyền hình để từ đó tìm hiểu và củng cố kiến thức pháp luật, có những nhận thức đúng đắn, hình thành tâm lý, tình cảm và thái độ tôn trọng pháp luật trong các quan hệ xã hội thường ngày cũng như trong các hoạt động đánh bắt trên biển.

Kinh tế phát triển, ngư dân sẽ mạnh dạn đầu tư các phương tiện, công cụ đánh bắt hiện đại như tàu công suất lớn, ngư cụ và hầm bảo quản hải sản, các phương tiện này vừa giúp ngư dân biển đánh bắt hiệu quả hơn, vừa giảm thiểu đối ta các hành vi đánh bắt bằng phương tiện hủy diệt (thuốc nổ), gây hại cho môi trường và ảnh hưởng đến sinh kế bền vững.

Đối với ngư dân biển, kinh tế thường dựa vào nghề biển, vì vậy việc đầu tư trang thiết bị khá tốn kém nên mỗi lần ra khơi, hiệu quả về mặt kinh tế được ngư dân biển đặt lên hàng đầu, chính vì vậy mà đôi khi họ bất chấp để đánh bắt hải sản dẫn đến vi phạm pháp luật, vi phạm quyền chủ quyền của quốc gia khác mà không biết hậu quả pháp lý nào có thể xảy ra với mình. Chỉ khi đời sống vật chất, kinh tế được đảm bảo, ý thức pháp luật của ngư dân biển sẽ được nâng cao, nhờ đó mà công tác PBGDPL cho ngư dân biển cũng sẽ thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, nếu kinh tế phát triển, sẽ tạo điều kiện để nhà nước đầu tư cho công tác PBGDPL nhiều hơn, có các chính sách đãi ngộ cho báo cáo viên, tuyên truyền viên PBGDPL, cơ sở vật chất đầu tư cho công tác này cũng sẽ được đảm bảo với những công cụ, phương tiện đầy đủ và hiện đại giúp cho công tác PBGDPL đạt hiệu quả cao nhất.

2. Về trình độ học vấn, nhận thức của ngư dân biển, phong tục tập quán của địa phương

Trình độ học vấn có ảnh hưởng rất lớn tới nhận thức và ý thức pháp luật ngư dân biển. Trong hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển, trình độ học vấn của ngư dân biển sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu những kiến thức pháp luật được phổ biến, truyền đạt từ các chủ thể PBGDPL. Ngư dân biển nếu có trình độ học vấn nhất định, khả năng tiếp cận và tìm hiểu cũng như khả năng nắm bắt thông tin kiến thức của họ sẽ nhanh, nhạy bén hơn, cũng nhờ đó mà việc truyền tải kiến thức pháp luật, kỹ năng cần thiết cho đối tượng này sẽ dễ dàng và thuận tiện hơn so với chủ thể có trình độ học vấn thấp. Trình độ học vấn, nhận thức của ngư dân biển cũng ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương pháp, hình thức PBGDPL, ví dụ như đối với những ngư dân không biết chữ thì không thể áp dụng phương pháp thuyết giảng bằng Slide Powerpoint hoặc phát tài liệu hướng dẫn, các trò chơi nhận định đúng sai, lựa chọn đáp án đúng...

Một yếu tố nữa cũng có ảnh hưởng quan trọng tới việc PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam đó là yếu tố phong tục tập quán của địa phương. Yếu tố phong tục tập quán luôn có tính chất ảnh hưởng quan trọng tới tính cộng đồng trong việc đánh bắt của ngư dân biển, đến công tác PBGDPL cho ngư dân biển. Khi phải đối mặt với một môi trường

khắc nghiệt trên biển, dễ thích nghi được với các phương thức mưu sinh khác nhau, nhất là mưu sinh bằng đánh bắt hải sản vốn nhiều rủi ro nguy hiểm, đòi hỏi sự hợp tác của nhiều người. Ý thức về huyết thống, về các giá trị của làng ở ngư dân biển có phần đậm nét và sâu sắc hơn so với nông dân⁴.

Tín ngưỡng và kiêng kỵ cũng có tác động khách quan đến việc PBGDPL đối với ngư dân biển. Thu nhập phần lớn của ngư dân đều gắn với việc đi biển. Tuy nhiên, không phải lúc nào ngư dân biển cũng có thể đi biển. Ngoài các kỳ bắt buộc phải nghỉ đi đánh bắt vì thời tiết như các “ngày nghỉ trăng”, nghỉ theo phong tục tập quán của cộng đồng như nghỉ tết hay ngày hội làng,... còn có các ngày nghỉ khác mà họ phải nghỉ vì trách nhiệm gia đình như người thân ốm đau, tang lễ,... vai trò của nam giới ở các vùng biển cực kỳ quan trọng trong đời sống cũng như nghề biển. Cũng vì do nhu cầu lao động lớn nên các gia đình đều mong muốn có con trai để đi biển, vì vậy mà các gia đình ngư dân biển đều rất đông con. Con trai tầm 14 - 15 tuổi đã theo cha chú đi biển, con gái thường nghỉ học sớm để giúp cha mẹ mưu sinh. Môi trường sống rất quan trọng và có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến PBGDPL cho ngư dân biển, tác động trực tiếp lên ý thức và hành vi của họ. Theo điều tra xã hội học, ngư dân biển thường nắm những yêu cầu chung của pháp luật mà ít biết các quy phạm pháp luật cụ thể; nhưng trong nhiều trường hợp, tuy không nắm được quy định cụ thể nhưng do họ hành động theo nếp sống xã hội nên không vi phạm pháp luật. Tuy vậy, vì các quy định pháp luật ngày càng đa dạng mà ngư dân biển cũng là đối tượng tham gia các quan hệ xã hội nên việc hiểu biết pháp luật là rất cần thiết để hạn chế đến mức thấp nhất những hành vi vi phạm pháp luật và gia tăng những hành vi hợp pháp trong cuộc sống hiện đại.⁵

Chính vì tính truyền thống gia đình, phong tục địa phương của ngư dân biển đã ảnh hưởng rất lớn tới giáo dục nói chung và ảnh hưởng đến nhận thức của ngư dân cũng như công tác PBGDPL. Vì vậy, để thực hiện PBGDPL cho ngư dân biển đạt hiệu quả cần xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật được đào tạo, am hiểu phong tục tập quán, thói quen và sinh kế của ngư dân biển các vùng miền, nắm bắt tâm lý của ngư dân biển để có thể xây dựng chương trình phù hợp với đối tượng.

3. Về điều kiện chính trị và đường lối, chính sách của Đảng (về kinh tế biển, về chủ quyền biển đảo, về phổ biến, giáo dục pháp luật ngư dân biển)

PBGDPL là nhiệm vụ có tính chiến lược luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm và có những quan điểm chỉ đạo cụ thể theo từng giai đoạn cụ thể để xây dựng chiến lược, văn

⁴ Bùi Xuân Đính, Nguyễn Thị Thanh Bình (2018), *Đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa - Góc nhìn dân tộc học*, Nxb Khoa học xã hội, tr.117.

⁵ Hoàng Thị Kim Quế (2015), *Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật của công dân ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 31, số 3, tr.26-31.

bản PBGDPL. Nếu một quốc gia có một điều kiện chính trị ổn định sẽ giúp cho quốc gia đó phát triển ổn định, tạo một môi trường thuận lợi cho mọi hoạt động văn hóa, xã hội, kinh tế,... phát triển trong đó có thể kể đến hoạt động tuyên truyền PBGDPL sẽ được chú trọng quan tâm đúng mức. Do đó, điều kiện chính trị có ý nghĩa hết sức quan trọng để xây dựng những chính sách PBGDPL cũng như có ý nghĩa trong việc ngư dân biển có thể có một môi trường thuận lợi để tiếp nhận những kiến thức pháp lý, nhận thức pháp luật trong quá trình được tuyên truyền PBGDPL. Chính vì tầm quan trọng của điều kiện chính trị mà công tác PBGDPL luôn được Đảng và nhà nước quan tâm và được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Bộ chính trị.

Có thể nói rằng, điều kiện chính trị của một quốc gia ổn định là điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động PBGDPL cho nhân dân nói chung và ngư dân biển nói riêng. Đây còn là điều kiện tiền đề để ngư dân biển tiếp nhận kiến thức, hiểu biết pháp luật trong quá trình được PBGDPL. Ngược lại, nếu điều kiện chính trị bất ổn, các thiết chế chính trị không phát huy được vai trò điều tiết, điều chỉnh các quan hệ chính trị sẽ là nguyên nhân gây tâm lý bất an trong các tầng lớp xã hội nói chung, đối với ngư dân nói riêng⁶.

Về đường lối, chính sách của Đảng (về kinh tế biển, về chủ quyền biển đảo, về PBGDPL cho ngư dân biển). Việt Nam là một quốc gia có chế độ chính trị ổn định, có những chính sách, đường lối phù hợp với từng giai đoạn phát triển, phù hợp với từng đối tượng cần PBGDPL. Trong giai đoạn hiện nay, các vấn đề về môi trường và tranh chấp trên Biển Đông đang là những vấn đề thời sự thì sự quan tâm đến công tác PBGDPL cho ngư dân biển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Đảng và nhà nước đã ban hành các chính sách, đường lối cụ thể theo từng giai đoạn để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác PBGDPL như Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác Phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân”

Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Ngày 20/6/2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (Luật số 14/2012/QH13 Phổ biến, giáo dục pháp luật). Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật có giá trị to lớn trong công tác PBGDPL cho nhân dân nói chung, cho ngư dân

⁶ Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, tr.75.

biển nói riêng, bởi công tác PBGDPL được điều chỉnh bằng một văn bản luật cụ thể sẽ dễ dàng áp dụng và nâng cao được nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể PBGDPL cũng như toàn xã hội. Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) ngày 23/5/2018 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tiếp tục kế thừa nội hàm bảo vệ Tổ quốc đã được nêu trong Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa IX); đồng thời chỉ rõ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo về bảo vệ Tổ quốc.

Để cụ thể hóa các quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Bộ Quốc Phòng đã xây dựng đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013 - 2016” kéo dài đến năm 2021 giao cho Bộ đội Biên phòng đầu mối đang là cơ sở pháp lý cho các cơ quan có chức năng chuyên môn như lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Hải quân và 44 tỉnh có biên giới, hải đảo thực hiện công tác PBGDPL cho ngư dân biển, mỗi năm để đánh giá hiệu quả của đề án này, Bộ Quốc phòng đã tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm tại ba khu vực trong cả nước. Tuy nhiên, đề án này cũng có một số tồn tại, hạn chế như sự chông chéo về chức năng, quyền hạn, đặc biệt là phạm vi PBGDPL cho ngư dân biển đối với các chủ thể khác như Cảnh sát biển, Hải quân, Kiểm ngư, Sở Tư pháp các tỉnh có biển, dẫn tới có những địa phương làm rất tốt công tác PBGDPL cho ngư dân biển, nhưng cũng có địa phương làm chưa tốt công tác này⁷.

Để có cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả của công tác PBGDPL cho các đối tượng, trong đó có ngư dân biển, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/03/2018 quy định bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL áp dụng với Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thông tư tập trung đánh giá hiệu quả theo 04 tiêu chí: Công tác tổ chức, công tác tiến hành, các điều kiện đảm bảo thực hiện và đánh giá kết quả so với mục đích đề ra⁸. Qua thực tiễn triển khai, thông tư này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định như chưa có các tiêu chí đánh giá về chủ thể PBGDPL, trong đó có chủ thể tổ chức và chủ thể tiến hành, đây là tiêu chí quan trọng và tiên quyết ảnh hưởng trực tiếp sự thành công của hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển.

Để xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, Đảng ta đặc biệt chú trọng trang bị cho ngư dân biển kiến thức về quốc phòng, an ninh, đồng thời cung cấp những thông tin về âm mưu, hoạt động chống phá, nhất là chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch cũng như những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong; các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiến thức về quốc phòng, an ninh cần được giáo dục, bồi dưỡng thường xuyên trong mỗi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư. Đại hội

⁷ Bộ Quốc Phòng (2017), Báo cáo kết quả thực hiện đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013 - 2016”, Hà Nội, tr.5.

⁸ Bộ Tư pháp (2018), Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 quy định bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Hà Nội.

lần thứ XI của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh, làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, như chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, tranh chấp chủ quyền biển đảo, vùng trời, “diễn biến hòa bình”, bạo loạn chính trị, khủng bố, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia”⁹.

Do đó, đối với ngư dân biển, công tác tuyên truyền PBGDPL luôn được các cấp có thẩm quyền quan tâm và giao nhiệm vụ cụ thể cho các chủ thể chuyên trách để có những đường lối, phương hướng, nội dung, hình thức phù hợp với đối tượng này để nâng cao ý thức pháp luật, hạn chế và tiến tới không còn trường hợp vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật.

4. Về công tác tổ chức và chủ thể phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Trong công tác tổ chức PBGDPL cho ngư dân thì bộ máy, nhân sự làm công tác PBGDPL có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động PBGDPL, là nhân tố quyết định sự hiệu quả của các chương trình, kế hoạch PBGDPL. Trong đó, chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển có vai trò cực kỳ quan trọng và có tính quyết định trong việc thành công của công tác PBGDPL cho ngư dân. Để công tác PBGDPL đạt hiệu quả thì chủ thể PBGDPL phải có ý thức trách nhiệm, có năng lực tổ chức, thực hiện, đạo đức của chủ thể giáo dục pháp luật.

Ý thức trách nhiệm của chủ thể PBGDPL đối với ngư dân biển thể hiện ở quan điểm, sự nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, sự tác động của công tác PBGDPL đối với ngư dân; ở sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành công tác chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ PBGDPL; xây dựng, phê duyệt kế hoạch, chuẩn bị bài giảng theo nội dung chương trình PBGDPL; lựa chọn phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với nội dung bài giảng về pháp luật, đặc điểm của đối tượng cần PBGDPL là ngư dân biển. Đối với chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển nếu họ có ý thức trách nhiệm trong công tác PBGDPL thì bài giảng, nội dung bài giảng sẽ phù hợp với đối tượng cần PBGDPL, hình thức PBGDPL phù hợp sẽ mang lại hiệu quả cao, giúp ngư dân dễ hiểu, dễ tiếp thu các kiến thức cần thiết để phục vụ cho đời sống hàng ngày cũng như có ý thức và trách nhiệm khi tham gia khai thác, đánh bắt trên biển.

Ý thức trách nhiệm của chủ thể còn biểu hiện ở sự đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chương trình; ở việc đánh giá kết quả thực hiện của cán bộ PBGDPL, đánh giá hiệu quả, sự tác động của PBGDPL đối với đối tượng¹⁰. Thực tế cho

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

¹⁰ Ngô Văn Trù (2015), *Giáo dục pháp luật cho các phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr.25.

thấy, nếu thường xuyên được nhắc nhở, chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên thì cán bộ PBGDPL sẽ thực hiện tốt hơn vai trò nhiệm vụ của họ khi trực tiếp làm công tác PBGDPL, họ sẽ có những sáng tạo nhất định để làm thế nào nội dung chương trình PBGDPL được soạn thảo đạt được mục đích cao nhất, ngư dân biển dễ tiếp nhận và có ý thức cao nhất trong việc tiếp nhận và thực hiện hành vi.

Về năng lực tổ chức, thực hiện của chủ thể giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam. Nếu chủ thể PBGDPL chỉ có ý thức trách nhiệm mà không có năng lực tổ chức, thực hiện thì công tác PBGDPL không thể đạt hiệu quả cao. Năng lực tổ chức, thực hiện có ảnh hưởng mạnh mẽ tới chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL cho ngư dân biển. Năng lực tổ chức, thực hiện chủ yếu thể hiện ở trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của chủ thể PBGDPL. Trên nền tảng kiến thức, hiểu biết pháp luật sẵn có, cán bộ làm công tác PBGDPL mới có thể xác định, lựa chọn những nội dung pháp luật cụ thể, thiết thực, tác động trực tiếp tới ngư dân biển để giảng dạy, truyền đạt nhằm cung cấp kiến thức pháp luật cho họ một cách hiệu quả. Ngược lại, nếu kiến thức pháp luật của đội ngũ cán bộ PBGDPL ở trình độ thấp, không được tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề pháp luật thường xuyên thì họ sẽ bị động, lúng túng khi đứng lớp giảng bài; thiếu tự tin khi giải thích những nội dung pháp luật mà ngư dân chưa rõ. Kiến thức, hiểu biết pháp luật của cán bộ PBGDPL ở trình độ thấp sẽ có tác động tiêu cực tới hiệu quả của công tác PBGDPL cho ngư dân biển. Đối với ngư dân biển, ngoài những kiến thức pháp luật liên quan đến quyền sở hữu, hôn nhân và gia đình, trách nhiệm hình sự,... thì những kiến thức pháp lý mà họ quan tâm và cần được PBGDPL còn liên quan đến các vấn đề pháp lý quốc tế có tính chất phức tạp như Luật Biển (quy chế pháp lý của các vùng biển, các vùng biển chồng lấn), các vấn đề liên quan đến phương tiện đánh bắt theo quy định của luật pháp quốc tế, các vấn đề liên quan đến khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo...

Do đó, nếu cán bộ làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển có kiến thức pháp luật nhưng không có kỹ năng, phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm hay khả năng nắm bắt tâm lý của ngư dân biển thì cũng không thể truyền đạt hết các nội dung, kiến thức pháp luật cần thiết cho ngư dân biển. Cũng từ đó không thể có những bài giảng hấp dẫn thu hút ngư dân biển tham gia. Đặc biệt, nếu không có kỹ năng sư phạm cần thiết có thể tạo nên tâm lý bất mãn, nhàm chán, đối phó của ngư dân biển trong các chương trình PBGDPL.

Đạo đức của chủ thể PBGDPL cũng tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động PBGDPL. Đầu tiên, cán bộ làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển phải có lối sống, tác phong gương mẫu, là tấm gương để ngư dân biển học tập và làm theo. Thứ hai, trong lĩnh vực nghề nghiệp họ phải có trách nhiệm với nghề mà họ làm, trách nhiệm với nghề thể

hiện trong việc phản ứng với những tình huống xảy ra trong quá trình cán bộ thực hiện hoạt động PBGDPL đối với ngư dân biển. Nếu không có đạo đức nghề nghiệp cán bộ sẽ có thái độ tiêu cực, phản ứng thiếu chuẩn mực khi tiếp xúc với ngư dân biển cũng như khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của ngư dân.

Hệ thống thể chế về PBGDPL cũng tác động tới công tác PBGDPL cho ngư dân biển, mức độ hoàn thiện của thể chế, chính sách pháp luật là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác PBGDPL. Để đánh giá mức độ hoàn thiện này thường người ta dựa trên các tiêu chí nhất định như: Tính đồng bộ; tính toàn diện và tính phù hợp của hệ thống pháp luật. Do đó, nếu hệ thống thể chế về PBGDPL cho ngư dân biển không đầy đủ, không toàn diện và không phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cũng như không phù hợp với ngư dân biển thì công tác PBGDPL sẽ không thể đạt hiệu quả. Muốn công tác PBGDPL cho ngư dân biển đạt hiệu quả tốt nhất thì phải chú trọng phát huy vai trò của luật pháp, phải mau chóng xây dựng một hệ thống pháp luật toàn diện, đầy đủ và đồng bộ, thích hợp với những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, đồng thời hợp với thiên hướng phát triển chung với tình hình quốc tế và khu vực.

5. Về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác PBGDPL có tác động rất lớn đến chất lượng và hiệu quả của công tác PBGDPL cho ngư dân biển. PBGDPL đạt hiệu quả cao phải đi kèm với các hình thức cũng như phương thức nhất định. Mỗi phương thức PBGDPL tới ngư dân biển luôn đòi hỏi phải có các công cụ hỗ trợ nhất định. Giả sử các báo cáo viên sử dụng hình thức PBGDPL là thuyết trình thì đi kèm với đó phải có phòng học, hội trường hay trang bị sách, báo, tài liệu, tuyên truyền ngoài biển thì phải có loa đài công suất lớn, tuyên truyền qua radio thì phải có tín hiệu, sóng ổn định... Ngoài ra, để thực hiện các hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển cũng cần đến một đội ngũ nhất định là các báo cáo viên, tuyên truyền viên,... kinh phí để đào tạo và chi trả cho công việc của các chủ thể thực hiện cũng là vấn đề đáng quan tâm. Điều này đòi hỏi một nguồn kinh phí nhất định và phù hợp thì mới có thể làm tốt công tác PBGDPL cho ngư dân biển, đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Vì vậy, để huy động kinh phí cho các hoạt động này, ngoài kinh phí của Nhà nước, các chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển cần quan tâm đến các nguồn kinh phí xã hội hóa, huy động được các tổ chức từ thiện, các doanh nghiệp và toàn thể xã hội tham gia vào công tác PBGDPL, việc xây dựng kinh phí phải mang tính chất dài hơi, liên tục, đáp ứng được các chương trình kế hoạch đề ra.

Kết luận

Hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển tại Việt Nam là hoạt động mang nhiều ý nghĩa cả về kinh tế và an ninh, quốc phòng, do có sự đặc thù về đối tượng PBGDPL, hoạt

động này chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, nên trong quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Chính vì vậy, để thực hiện có hiệu quả hoạt động này, cần có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội, các hoạt động này trước tiên phải có sự chuẩn bị chu đáo về kế hoạch, chương trình, chủ thể, đối tượng, nội dung và các điều kiện đảm bảo khác. Việc phân tích, đánh giá đúng các khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển sẽ là tiền đề cho việc hoạch định và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc Phòng (2017), Báo cáo kết quả thực hiện Đề án “*Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013 - 2016*”, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển (2018), Báo cáo “*Công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Cục Chính trị*”, Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển (2019), Báo cáo “*Công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của Cục Chính trị*”, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2018), *Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 quy định bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đình, Nguyễn Thị Thanh Bình (2018), *Đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa - Góc nhìn dân tộc học*, Nxb Khoa học xã hội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hoàng Thị Kim Quế (2015), *Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật của công dân ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 31, số 3.
8. Lê Khắc Đại (2019), *Công ước về hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có khai báo và không có quản lý (IUU) của Liên minh châu Âu và những tác động tới Việt Nam*, Tạp chí Công Thương, số 6, tháng 4/2019.
9. Ngô Văn Trù (2015), *Giáo dục pháp luật cho các phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học.